



BẢN TIN KHUYẾN NÔNG

BẮC KẠN



✦ THÔNG TIN CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH

SỐ 02/2019

✦ KHOA HỌC KỸ THUẬT - KINH NGHIỆM SẢN XUẤT
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẮC KẠN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG



Bà Đỗ Thị Minh Hoa - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn chủ trì Hội nghị trực tuyến dịch tả lợn châu phi.



Đại hội Doanh nhân Ocop tại tỉnh Bắc Kạn lần thứ nhất nhiệm kì 2019-2024

Ảnh bìa 1: Mô hình nuôi cá Diêu hồng trong lồng tại Hồ Khuổi Khe, xã Kim Lư, huyện Na Rì.

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP VỀ QUẢN LÝ GIẾT MỔ LỢN, TIÊU THỤ SẢN PHẨM TỪ LỢN KHI CÓ DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Để giảm áp lực về nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh từ đó giảm số lượng lợn bệnh phải tiêu hủy, góp phần giảm thiểu tổn thất về kinh tế và ô nhiễm môi trường, ngày 28 tháng 5 năm 2019, Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành công văn số 3708/HD-BNN-TY hướng dẫn một số biện pháp khẩn cấp về quản lý giết mổ lợn, tiêu thụ sản phẩm từ lợn khi có Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ ĐƯỢC PHÉP GIẾT MỔ LỢN

Cơ sở được phép giết mổ lợn bao gồm:

1. Cơ sở giết mổ tập trung bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thú y và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung (QCVN 01-150:2017/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT).

2. Cơ sở giết mổ nhỏ lẻ bảo đảm các yêu cầu vệ

sinh thú y theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Thú y.

II. VẬN CHUYỂN, GIẾT MỔ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM TỪ LỢN

1. Cơ sở giết mổ lợn tập trung trong vùng dịch

- Được phép tiếp nhận, giết mổ lợn khỏe và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh Dịch tả lợn châu phi (DTLCP) từ cơ sở chăn nuôi lợn ở trong vùng dịch, ngoài vùng dịch thuộc phạm vi trong và ngoài địa bàn cấp tỉnh.

- Lợn được đưa vào cơ sở giết mổ phải bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư

09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Lợn được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Thú y và QCVN 01-100:2012/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 03/7/2012 của Bộ Nông nghiệp PTNT) từ cơ sở chăn nuôi đến trực tiếp cơ sở giết mổ lợn; không vận chuyển lợn đến các điểm thu gom tập trung để giảm thiểu nguy cơ lây lan mầm bệnh.



Lợn nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu phi.

- Đối với lợn xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh phải có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP trước khi vận chuyển đến cơ sở giết mổ. Cơ sở thu gom được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau mỗi lần thu gom; chất thải, nước thải được xử lý đảm bảo không lây lan mầm bệnh.

- Trường hợp lợn có nguồn gốc từ tỉnh khác vận chuyển đến cơ sở giết mổ, ngoài yêu cầu kiểm tra âm tính với mầm bệnh DTLCP, lợn phải được kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Lợn phải được kiểm soát giết mổ theo quy định tại Điều 65 Luật Thú y và Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Sản phẩm từ lợn sau giết mổ phải xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP và được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Thú y, để tiêu thụ trong và ngoài vùng dịch thuộc phạm vi trong và ngoài địa bàn cấp tỉnh.

- Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước khi ra khỏi cơ sở chăn nuôi, trước khi vào và ra khỏi cơ sở giết mổ lợn.

2. Cơ sở giết mổ lợn tập trung ngoài vùng dịch

- Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc từ vùng dịch: thực hiện theo khoản 1 mục II nêu trên.

- Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc ngoài vùng dịch: thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y.

3. Cơ sở giết mổ nhỏ lẻ trong vùng dịch

- Được phép tiếp nhận, giết mổ lợn khoẻ và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP từ cơ sở chăn nuôi lợn ở trong vùng dịch và ngoài vùng dịch thuộc phạm vi địa bàn cấp tỉnh.

- Lợn được đưa vào giết mổ phải bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Lợn được vận chuyển bằng phương tiện theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Thú y, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y từ cơ sở chăn nuôi trực tiếp đến cơ sở giết

mổ; không vận chuyển lợn đến các điểm thu gom tập trung để giảm thiểu nguy cơ lây lan mầm bệnh.

- Lợn phải được kiểm soát giết mổ theo quy định tại Điều 65 Luật Thú y và Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Sản phẩm từ lợn sau giết mổ được vận chuyển bằng phương tiện theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Thú y và phải lấy mẫu sản phẩm xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP để tiêu thụ trong và ngoài vùng dịch thuộc phạm vi địa bàn cấp tỉnh.

- Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước khi ra khỏi cơ sở chăn nuôi, trước khi vào và ra khỏi cơ sở giết mổ lợn.

4. Cơ sở giết mổ nhỏ lẻ ngoài vùng dịch

- Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc từ vùng dịch: thực hiện theo khoản 3 mục II nêu trên và phải lấy mẫu sản phẩm xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP để tiêu thụ trong và ngoài vùng dịch.

- Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc ngoài vùng dịch: thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y.

III. LẤY MẪU VÀ XÉT NGHIỆM MẪU

1. Việc lấy mẫu, bảo quản mẫu và vận chuyển mẫu phải tuân thủ theo QCVN 01-83:2011/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT).

2. Cơ quan thú y địa phương tổ chức thực hiện việc giám sát, lấy mẫu và gửi mẫu đến phòng thử nghiệm có thẩm quyền để xét nghiệm mầm bệnh DTLCP.

3. Trước khi vận chuyển lợn đến cơ sở giết mổ, chủ cơ sở chăn nuôi lợn phải báo cho cơ quan thú y địa phương để tổ chức giám sát và lấy mẫu xét nghiệm mầm bệnh DTLCP:

a) Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển dưới 100 con lợn: Lấy mẫu máu của 05 con lợn để gộp thành 01 mẫu xét nghiệm. Trường hợp cơ sở chăn nuôi có dưới 05 con lợn, thì phải lấy mẫu tất cả lợn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm;

b) Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển từ 100 đến 300 con: Lấy mẫu máu của 15 con lợn để gộp thành 03 mẫu xét nghiệm;

c) Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển trên 300 con: Lấy mẫu máu của

30 con lợn để gộp thành 06 mẫu xét nghiệm.

4. Trước khi vận chuyển lợn đến cơ sở giết mổ, chủ cơ sở thu gom, kinh doanh phải báo cho cơ quan thú y địa phương để tổ chức giám sát và lấy mẫu xét nghiệm mầm bệnh DTLCP:

a) Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển dưới 100 con lợn: Lấy mẫu máu của 10 con lợn để gộp thành 02 mẫu xét nghiệm. Trường hợp cơ sở thu gom, kinh doanh có dưới 10 con lợn, thì phải lấy mẫu tất cả lợn và gộp 5 mẫu thành 01 mẫu xét nghiệm;

b) Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển từ 100 đến 300 con: Lấy mẫu máu của 30 con lợn để gộp thành 06 mẫu xét nghiệm;

c) Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển trên 300 con: Lấy mẫu máu của 60 con lợn để gộp thành 12 mẫu xét nghiệm.

5. Đối với cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở bảo quản sản phẩm lợn sau giết mổ: cơ quan thú y có thẩm quyền tổ chức lấy ngẫu nhiên 15 mẫu sản phẩm từ lợn để gộp thành 03 mẫu xét nghiệm từ mỗi lô sản xuất.

6. Đối với cơ sở giết mổ nhỏ lẻ: cơ quan thú y có

thẩm quyền tổ chức lấy ngẫu nhiên 05 mẫu sản phẩm từ lợn để gộp thành 01 mẫu xét nghiệm từ mỗi lô sản xuất.

7. Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm chỉ có giá trị với lô hàng đã đăng ký vận chuyển để giết mổ và có giá trị trong vòng 10 ngày kể từ ngày trả lời kết quả.

8. Chủ cơ sở chăn nuôi lợn, chủ cơ sở có sản phẩm từ lợn chi trả chi phí lấy mẫu, gửi mẫu và xét nghiệm theo quy định.

IV. XỬ LÝ LỢN VÀ SẢN PHẨM TỪ LỢN DƯƠNG TÍNH VỚI MẦM BỆNH DTLCP

1. Tiêu hủy ngay toàn bộ lợn tại ô chuồng nuôi, cơ sở thu gom, khu vực cách ly dương tính với mầm bệnh DTLCP; đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý ổ dịch, phòng, chống dịch bệnh theo đúng quy định.

2. Cơ sở giết mổ lợn, cơ sở bảo quản sản phẩm từ lợn có kết quả dương tính với mầm bệnh DTLCP phải thực hiện việc tiêu hủy lợn, sản phẩm từ lợn của lô sản xuất dương tính với mầm bệnh DTLCP; ngừng sản xuất và thực hiện việc tổng vệ sinh, sát trùng liên tục trong vòng 05 ngày trước khi giết mổ, kinh doanh trở lại./.

Mai Ngọc

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ



Mô hình trồng rau sạch trong nhà lưới của Hợp tác xã Nông nghiệp Huyện Tụng, tại tổ Phiêng My, phường Huyện Tụng, Thành phố Bắc Kạn.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ. Nghị định này quy định về sản xuất, chứng nhận, ghi nhãn, lô gô, truy xuất nguồn gốc, kinh doanh, kiểm tra nhà nước sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được khuyến khích áp dụng đối với doanh nghiệp,

hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên lãnh thổ Việt Nam.

Tại Nghị định quy định nguyên tắc sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Quản lý các tài nguyên (bao gồm đất, nước, không khí) theo nguyên tắc hệ thống và sinh thái trong tầm nhìn dài

hạn; Không dùng các vật tư là chất hóa học tổng hợp trong tất cả các giai đoạn của chuỗi sản xuất, tránh trường hợp con người và môi trường tiếp xúc với các hóa chất độc hại, giảm thiểu ô nhiễm ở nơi sản xuất và môi trường chung quanh; Không sử dụng công nghệ biến đổi gen, phóng xạ và công nghệ khác có hại cho sản xuất hữu cơ; Đối xử với động vật, thực vật một cách có trách nhiệm và nâng cao sức khỏe tự nhiên của

chúng; Sản phẩm hữu cơ phải được bên thứ ba chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng trong sản xuất sản phẩm hữu cơ.

Trong đó, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ ưu tiên áp dụng các chính sách đã ban hành cho phát triển nông nghiệp hữu cơ. Cụ thể, ưu tiên kinh phí khoa học, khuyến nông để thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án khuyến nông, đặc biệt về giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc; Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành bao gồm: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp; chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn; chính sách đào tạo nghề

cho lao động nông thôn; Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Chính sách cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong nuôi trồng, khai thác dược liệu; Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu; Chính sách hỗ trợ gắn Nhãn xanh Việt Nam, hỗ trợ cơ sở thân thiện với môi trường và các chính sách có liên quan khác.

Trong cùng thời điểm và mục tiêu, cơ sở chỉ được lựa chọn 1 chính sách phù hợp nhất.

Nội dung, định mức hỗ trợ; điều kiện hỗ trợ; nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo các văn bản đã được ban hành đối với các chính sách hỗ trợ nêu trên.

Ngoài ra Nghị định quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ cụ thể như: Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí

do cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp; Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ: định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông; Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN: định mức hỗ trợ chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng đối với mô hình chăn nuôi, thủy sản và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; Lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện; Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.

Quỳnh Thu

KẾ HOẠCH

THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA TỈNH BẮC KẠN NĂM 2019

Nhằm thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đồng thời tổ chức lại sản xuất nông nghiệp ở một số khu vực, nhằm khai thác những tiềm năng lợi thế của địa phương, xây dựng và phát triển các mô hình liên kết hợp tác trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đa dạng hóa cây trồng... giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Ngày 29 tháng 3 năm 2019, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch số 501/KH-SNN về thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2019, với các nội dung cụ thể sau:

Duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 là 1.386 ha, trong đó: Chuyển sang trồng cây hàng năm là 1.233,1 ha (981,1 ha đất lúa 1 vụ, 252 ha đất lúa hai vụ); Chuyển sang trồng cây lâu năm là 82 ha (68,1 ha đất lúa 1 vụ, 13,9 ha đất lúa 2 vụ); Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất lúa là 70,9 ha (17,3 ha đất lúa 1 vụ, 53,6 ha đất lúa 2 vụ).

Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa năm 2019 là 342 ha, trong đó: Chuyển sang trồng cây hàng năm là 271,2 ha (87,4 ha đất lúa 1 vụ, 183,8 ha đất lúa 2 vụ); Chuyển sang trồng cây lâu năm là 41,4 ha (35,9 ha đất lúa 1 vụ, 5,5 ha đất lúa 2 vụ); Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất lúa là 29,4 ha (12,5 ha đất lúa 1 vụ, 16,9 ha đất lúa 2 vụ).

Đồng thời triển khai thực hiện các giải pháp như sau:

- Giải pháp về tuyên truyền:

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, nhân dân về các chủ trương, định hướng của Chính phủ về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hiệu quả kinh tế của việc chuyển đổi; việc liên kết, tổ chức lại sản xuất và sản xuất theo chuỗi giá trị để tăng hiệu quả sản xuất cũng như tiếp cận các nguồn lực. Cán bộ, công chức, đảng viên tại các xã, phường, thị trấn là người tiên phong thực hiện trước để nêu gương.

Tăng cường công tác chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật thông qua các

lớp tập huấn, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng... nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm của cây trồng được chuyển đổi; xây dựng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng; mô hình liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị tại các địa phương để làm cơ sở tuyên truyền, vận động và nhân rộng kết quả của mô hình.

- Giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật:

Chuyển giao các loại giống cây trồng có năng suất, chất lượng, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận như rét đậm, rét hại, hạn hán... phục vụ chuyển đổi; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, luân canh, xen canh; sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm... để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Xác định cơ cấu cây trồng phù hợp với từng vùng, từng chất đất, tập quán sản xuất cũng như nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Giải pháp về tổ chức sản xuất:

Tổ chức sản xuất theo quy mô nhóm hộ và tổ hợp tác, hợp tác xã để thuận lợi cho việc hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, đảm bảo chất lượng cây giống và các loại vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư hỗ trợ nông dân

định hướng sản xuất, hợp đồng thu mua, bao tiêu sản phẩm, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa.

- Giải pháp về cơ chế chính sách và các nguồn lực:

Vận dụng các chính sách và nguồn lực hiện có của Trung ương, địa phương: Chính sách theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh, huyện, thành phố; nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ và các chương trình dự án khác... để hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư thiết yếu... hỗ trợ xây dựng mô hình; hỗ trợ lãi suất vốn vay, hỗ trợ liên kết sản xuất, xúc tiến quảng bá tiêu thụ sản phẩm... cho hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ, cá nhân tham gia thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng thành vùng sản xuất hàng hóa.

Huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng./.

Nguyễn Hồng

Chi cục Trồng trọt & BVTV

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ DỊCH HẠI TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ MÙA NĂM 2019

Để chủ động quản lý sinh vật gây hại, bảo vệ an toàn cho sản xuất, đảm bảo năng suất, sản lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Mùa năm 2019, ngày 30 tháng 5 năm 2019, Chi cục Trồng trọt & BVTV tỉnh Bắc Kạn ban hành phương án số 280/PA-TT&BVTV về quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ Mùa năm 2019, bao gồm một số nội dung chính như sau:

1. Đối với cây lúa, các đối tượng sâu, bệnh hại chính gồm: ốc bươu vàng; rầy nâu, rầy lưng trắng; sâu cuốn lá nhỏ; sâu đục thân; bệnh lùn sọc đen; bệnh đạo ôn; bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn; bệnh khô vằn.

- Ốc bươu vàng gây hại lúa giai đoạn cấy - đẻ nhánh, tập trung gây hại trên những diện tích cấy mạ non, mạ xúc; cá biệt gây hại nặng tại những vùng dịch cũ, những ruộng có đường dẫn nước trực tiếp từ suối, mương; mật độ phổ biến 1-2 con/m², cao 20 con/m², cá biệt 60 - 70 con/m², phải cấy dặm hoặc cấy lại nếu không tích cực phòng trừ. Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ Mùa năm 2018.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Rầy lưng trắng là môi giới truyền bệnh lùn sọc đen vì vậy cần phải thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, để có những biện pháp phun trừ kịp thời. Cần chú ý các đợt rầy chính thường xuất hiện trong khoảng thời gian sau:

+ Lúa 4: Rầy cám nở rộ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7, gây hại trên mạ mùa chính vụ và lúa mùa sớm trong tháng 7. Mật độ thấp, gây hại nhẹ.

+ Lúa 5: Rầy cám nở rộ từ đầu đến giữa tháng 8, mật độ phổ biến thấp, cá biệt 1.000-1.200 con/m².

+ Lúa 6: Rầy cám nở rộ từ đầu tháng 9 và gây hại mạnh từ giữa đến cuối tháng 9, hại diện rộng trên lúa mùa sớm giai đoạn trổ bông - chắc xanh, lúa mùa chính vụ giai đoạn làm đòng - trổ bông, mật độ phổ biến 400-500 con/m², cao 3.000 con/m², cá biệt 7.000 con/m², nếu không chủ động theo dõi và phòng trừ, có thể "cháy rầy" cục bộ.

+ Lúa 7: Rầy cám nở rộ từ đầu đến cuối tháng 10 gây hại trên diện tích lúa cấy muộn giai đoạn lúa vào chắc đến đổ đui, mật độ phổ biến thấp, cá biệt 3.000 con/m².

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ Mùa năm 2018.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Lúa 4 và lúa 7, mật độ thấp, tỷ lệ hại không đáng kể. Chú ý phòng trừ lúa 5 và lúa 6; Lúa 5: Trưởng thành vũ hóa khoảng cuối tháng 7. Sâu non gây hại cục bộ trong tháng 8 trên trà lúa mùa sớm giai đoạn đứng cái - ôm đòng, trà lúa mùa chính vụ giai đoạn đẻ nhánh, mật độ phổ biến thấp, mức độ gây hại nhẹ, cá biệt 20 con/m²; Lúa 6: Trưởng thành vũ hóa khoảng giữa đến cuối tháng 8. Từ đầu tháng 9, sâu non gây hại trên cả 2 trà lúa (lúa mùa sớm giai đoạn trổ bông - ngâm sữa, lúa mùa chính vụ giai đoạn làm đòng - trổ bông), hại nặng trên các giống lúa ngắn ngày có bản lá rộng. Mật độ phổ biến 5-7 con/m², cá biệt 30-40 con/m², nếu không phòng trừ kịp thời sẽ gây "trắng lá đòng", làm giảm năng suất lúa.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ Mùa năm 2018.

- Sâu đục thân: Lúa 4: Trưởng thành vũ hóa rộ khoảng giữa tháng 8, sâu non gây ung đòng, bông bạc lúa mùa sớm giai đoạn ôm đòng - trở bông, gây dảnh héo trên trà lúa mùa chính vụ giai đoạn đẻ nhánh (cuối tháng 8). Mức độ gây hại nhẹ, cục bộ tỷ lệ cao 20-30%; Lúa 5: Trưởng thành vũ hóa rộ vào giữa tháng 9, đến cuối tháng 9 sâu non gây ung đòng, bông bạc trên trà lúa chính vụ giai đoạn ôm đòng - trở bông, tỷ lệ bông bạc phổ biến 1-2%, nơi cao 5-10%, cá biệt 20%; Lúa 6: Gây hại nhẹ rải rác trên diện tích lúa mùa cấy muộn.

Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ Mùa năm 2018.

- Bệnh lùn sọc đen: do vi rút gây ra, có thể gây mất mùa trên diện rộng và rầy lưng trắng là môi giới truyền bệnh. Bệnh gây hại ở tất cả các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa, hại mạnh giai đoạn lúa đẻ nhánh trở đi. Chú ý điều tra, phát hiện bệnh trên những diện tích nhiễm bệnh của vụ trước, những nơi có mật độ rầy cao để có biện pháp phòng trừ kịp thời theo hướng dẫn tại quy trình kỹ thuật quản lý bệnh lùn sọc đen hại lúa ban hành theo công văn số 1317/BVTV-TV ngày 24/5/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ Mùa năm 2018.

- Bệnh đạo ôn lá: Phát sinh gây hại từ đầu tháng 7, phát triển và gây hại trên diện rộng từ giữa tháng 8 đến đầu tháng 9, hại nặng trên những giống nhiễm và giống ngoài cơ cấu như: BC15, C70, Syn 6, ĐS1... diện tích bón thúc thừa phân đạm và những ruộng trong khe thiếu ánh sáng, tỷ lệ bệnh phổ biến 3-5%, cao 15-20%, cá biệt lụi từng chòm, từng thửa.

Cuối tháng 9, đầu tháng 10 bệnh đạo ôn cổ bông phát triển và gây hại trên những giống nhiễm và những diện tích đã nhiễm

đạo ôn lá. Tỷ lệ bông bị hại phổ biến 2-3%, cao 30%, cá biệt 70%. Diện tích nhiễm và mức độ gây hại thấp hơn vụ Mùa năm 2018.

- Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: Thời tiết nắng nóng, có mưa bão lớn trong vụ Mùa là điều kiện thuận lợi cho bệnh bạc lá và bệnh đốm sọc vi khuẩn bùng phát. Bệnh phát sinh từ giữa tháng 8 đến cuối vụ, bệnh hại chủ yếu trên các giống có bản lá to, màu xanh đậm, sau những trận mưa to, giông, bão. Tỷ lệ hại phổ biến thấp, cao 25%, cá biệt 40%. Diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ Mùa năm 2018.

- Bệnh khô vằn: phát sinh, gây hại trên các trà lúa, cao điểm gây hại vào khoảng giữa tháng 8 đến cuối tháng 9, hại nặng trên những diện tích cấy dày, nhiều dảnh, bón phân không cân đối, tỷ lệ bệnh phổ biến 5%, cao 20%. Diện tích nhiễm và mức độ gây hại cao hơn vụ Mùa năm 2018.

* Ngoài ra cần chú ý các loại sâu bệnh khác: Bệnh nghệt rễ, sâu năn hại đầu vụ; Nhện gié gây hại mạnh trong điều kiện thời tiết nắng nóng, khô hạn; Bệnh đen lép hạt, bọ xít hại lúa giai đoạn trở đến chắc xanh; Chuột gây hại khi cây lúa bắt đầu làm đòng - chín, gây hại tập trung tại những ruộng cận nước, trong khe, ven làng; Châu chấu tre lưng vàng hại những ruộng ven khe, ven rừng vầu tại các huyện Ngân Sơn, Na Rì.

2. Cây ngô: Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại của sâu bệnh tương đương vụ Mùa năm 2018.

- Bệnh lùn đẻ nhánh, hiện tượng lùn cây ngô, bệnh sương mai: Gây hại mạnh trên những diện tích nhiễm vụ trước, chủ yếu gây hại trong giai đoạn phát triển thân lá.

- Bệnh khô vằn: Gây hại cục bộ trên những diện tích trồng dày, bón thừa đạm, ruộng không thoát nước giai đoạn trở cò đến cuối vụ; tỷ lệ bị hại cá biệt 10-20% số cây.

- Sâu keo mùa thu: Đây là loài mới, gây hại trên nhiều loại cây trồng. Sâu keo mùa thu xuất hiện và gây hại trên cây ngô vụ Xuân tại hầu hết các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Nếu không chủ động phòng trừ thì sâu ăn trụi lá, cụt ngọn, hại nặng có thể không cho thu hoạch. Do đó, cần chú ý điều tra, phát hiện sâu trên tất cả các diện tích trồng ngô để có biện pháp phòng trừ kịp thời theo hướng dẫn tại quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu ban hành theo công văn số 1064/BVTV-TV ngày 03/5/2019 của Cục Bảo vệ thực vật.

- Sâu gai: Gây hại cục bộ trên những diện tích nhiễm của vụ trước, sâu phát sinh gây hại từ cuối tháng 6 đầu tháng 7, sâu non gây hại mạnh trên những diện tích trồng sớm từ tháng 7 đến cuối vụ.

* Các loại sâu bệnh khác: Sâu xám, rệp, bệnh khô vằn, bệnh thối thân, bệnh đốm lá, chuột, bệnh lùn sọc đen, châu chấu tre lưng vàng gây hại.

3. Cây cam, quýt: Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ Mùa năm 2018.

- Bệnh vàng lá thối rễ: Bệnh hại nặng vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, bệnh thường phát sinh ở những vườn rậm rạp, bón phân không cân đối; nếu không phòng trừ kịp thời bệnh nặng gây vàng lá, rụng lá, cây chết khô.

- Bọ xít xanh: Phát sinh gây hại từ đầu tháng 9 đến tháng 11, nếu không phòng trừ sẽ gây rụng quả.

- Ruồi đục quả, Ngài chích quả: Gây hại từ cuối tháng 10 đến tháng 12, hại mạnh giai đoạn quýt chín, gây thối và rụng quả hàng loạt nếu không phòng trừ kịp thời.

4. Cây lâm nghiệp

- Sâu róm hại thông: Phát sinh, gây hại tại các vùng trồng thông tập trung của các huyện Bạch Thông, Ba Bể, Ngân Sơn từ giữa tháng 9, mật độ sâu non phổ biến 150-200 con/cây, cao

400 con/cây. Diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương cùng kỳ năm 2018.

- Châu chấu tre hại vầu, tre, nứa: Châu chấu tre đang giai đoạn tuổi 4-5, bắt đầu chuyển trưởng thành, dự báo trong thời gian tới châu chấu trưởng thành có cánh nên khả năng di chuyển rộng theo đàn, khó kiểm soát và xác định vị trí. Nếu không phòng trừ kịp thời châu chấu sau khi ăn trụi rừng vầu sẽ tiếp tục gây hại trên cây trồng nông nghiệp tại huyện Na Rì, Ngân Sơn. Diện tích nhiễm và mức độ gây hại thấp hơn cùng kỳ năm 2018.

- Các loại sâu bệnh khác: Sâu đo, bệnh phấn trắng hại cây quế tại các huyện Chợ Mới, Chợ Đồn; Mối, bệnh chết héo hại cây keo tại các huyện, thành phố; Bệnh thán thư hại cây hồi trên các diện tích nhiễm cũ chưa được phun trừ tại các huyện Chợ Mới, Na Rì, Bạch Thông.

5. Cây trồng khác

- Cây Dong riềng: Bệnh thối thân, bệnh cháy lá hại nặng tại những diện tích trồng dày, không thoát nước, những diện tích đất nghèo dinh dưỡng, diện tích năm trước bị bệnh; tỷ lệ bệnh phổ biến 3-5%, cá biệt 50-60%, ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây.

- Cây Gừng, Nghệ: Bệnh cháy lá, thối củ phát sinh gây hại từ tháng 7; hại mạnh từ tháng 8 trở đi, trên những diện tích lấy củ giống bị bệnh của năm trước. Nếu không phòng trừ kịp thời bệnh gây lụi từng chòm, giảm năng suất, cục bộ không cho thu hoạch.

- Cây chè: Chú ý phòng trừ lúa Bọ xít muỗi gây hại từ giữa đến cuối tháng 10, đặc biệt là những diện tích bị hại nặng ở những lúa trước như xã Bằng Phúc huyện Chợ Đồn. Nếu không phòng trừ kịp thời bọ xít muỗi sẽ làm giảm năng suất, chất lượng búp chè.

Quỳnh Thu

KỸ THUẬT NUÔI CÁ ĐIÊU HỒNG TRONG LỒNG BÈ

Cá Diêu hồng hay còn gọi là cá rô phi đỏ (Red Tilapia) là thế hệ con lai F1 từ loài *O.mosambicus* (Rô phi đen) với loài *O.niloticus* (Rô phi vằn) nên có đặc điểm sinh học tương đối giống cá rô phi.

Cá Diêu hồng là một loài cá nước ngọt, được hình thành qua quá trình chọn lọc nhân tạo nên môi trường sống chủ yếu là nuôi nhốt. Cá ăn tạp thiên về mùn bã hữu cơ, điều kiện môi trường thích hợp cho cá sinh trưởng và phát triển là: nhiệt độ 22-30°C, pH 6-8, ôxy hoà tan > 1,5mg, cá thịt có thể nuôi trong ao hoặc lồng bè.

1. Chọn vị trí đặt lồng nuôi

Vị trí đặt lồng bè không bị ảnh hưởng bởi mưa lũ, mực nước không bị thay đổi đột ngột, không có dòng xoáy, nơi đặt lồng dòng nước không chảy quá mạnh... Vùng nuôi trong hồ có mặt thoáng lớn, nước trong hồ luôn dao động.

- Lưu tốc nước lúc cao nhất không quá 1m/s;
- Đáy lồng bè phải cách đáy sông, hồ ít nhất 0,5 m vào lúc mức nước thấp nhất để cá nuôi không bị ảnh hưởng bởi các chất lắng đọng.

2. Vật liệu làm lồng

Vật liệu làm khung lồng: sử dụng các loại cây gỗ tại chỗ, dễ tìm, rẻ tiền: tre, hóp hoặc vật liệu có độ bền và giá thành cao hơn như: sắt mạ kẽm, kẽm... Ø 27 - 34 mm; Vách lồng: có thể sử dụng: màn tre, tre (hóp) cây, lưới nilon, lưới kim loại, lưới chất dẻo (PE, PA...); Vật liệu nổi: Phao nhựa như thùng phuy; Neo: Dùng cột đóng cố định, đá hoặc bê tông, neo sắt cố định cụm lồng bè để không bị nước lũ cuốn trôi và giông bão phá hủy.



Nuôi cá Diêu hồng trong lồng hồ ông Ma Văn Học tại xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới.

3. Kết cấu lồng

Trong hồ chứa và trên sông thường dùng lồng nổi, lồng được neo vào đáy hoặc neo vào bờ. Lồng lên xuống theo mực nước biến động nhờ phao nạng.

Kích thước: Hình dáng lồng có thể hình vuông hoặc chữ nhật, hình tròn, lục lăng...

Phao: Số lượng phao tùy theo độ lớn lồng, vật liệu và vị trí đặt lồng.

4. Chọn giống và kỹ thuật thả

- Tiêu chuẩn giống: Cá giống có nguồn gốc rõ ràng, có kích thước đồng đều, cá khỏe mạnh, phản xạ nhanh, màu sắc bóng bẩy, không có dấu hiệu bệnh tật, không bị xây xát, dị hình.

- Chu kỳ nuôi: 6 tháng.

- Kích cỡ cá giống: Từ 8- 10cm/con.
- Mật độ: Cá Diêu hồng nuôi lồng với mật độ 100 con/m³.
- Mùa vụ nuôi thường bắt đầu vào khi có cá giống: mùa sản xuất cá giống từ tháng 2 đến tháng 3 có thể cung cấp cá giống cho nuôi lồng hoặc khi có cá giống ngoài môi trường tự nhiên (cuối xuân).
- Thả cá: Vận chuyển cá trong túi có bơm oxy. Trước khi thả cần phải tắm cho cá giống bằng nước muối (NaCl) 2-3% (200g muối ăn hoà 10 lít nước) phòng bệnh trong vòng 5-10 phút, để khử trùng các tác nhân gây bệnh ngoại ký sinh trước khi thả cá, chọn thời điểm thả vào lúc thời tiết mát trời, thả vào sáng sớm hoặc chiều mát, không nên thả lúc nắng nóng hoặc mưa to.

5. Kỹ thuật chăm sóc và quản lý

a. Cho ăn: Sử dụng thức ăn cám viên, cám nấu cho cá, có hàm lượng đạm trong thức ăn 25-45%.

- Khẩu phần ăn: Cá càng lớn hàm lượng đạm trong thức ăn càng giảm trong giới hạn độ đạm. Thức ăn nên cho xuống từ từ hoặc chia làm nhiều điểm trên mặt lồng để tất cả đàn cá được ăn khẩu phần như nhau.

- Thời gian cho ăn: Giai đoạn nhỏ cho ăn 3-4 lần/ngày, cá lớn 2 lần/ngày.

- Định lượng thức ăn hàng ngày: khi cá nhỏ (giai đoạn giống) khẩu phần thức ăn chiếm khoảng 5 – 7% trọng lượng thân. Khi cá lớn khẩu phần thức ăn chiếm khoảng 3 – 5% trọng lượng thân.

- Hàng ngày, quan sát hoạt động bắt mồi của cá, theo dõi lượng thức ăn tiêu thụ để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của cá.

b. Quản lý

- Theo dõi hoạt động của cá hàng ngày, khi cá nổi đầu do thiếu oxy chuyển lồng nuôi

đến vị trí khác có chất lượng nước tốt hơn hoặc sử dụng máy quạt nước tạo dòng chảy và cung cấp oxy.

- Đầu dòng chảy định kỳ 1 tháng/lần treo túi vôi có đục lỗ để sát khuẩn cho lồng cá.

- Cá bỏ ăn có thể do bệnh hoặc do môi trường thay đổi, giảm hoặc ngừng cho ăn và phòng trị bệnh cho cá.

- Kiểm tra lồng và vệ sinh sạch các sinh vật bám, nếu là lồng lưới thì nên định kỳ thay lưới để hạn chế được mầm bệnh bám trên các lưới lồng.

c. Phòng trị bệnh

- Định kỳ bổ sung vào thức ăn các loại khoáng và vi chất đảm bảo đủ chất và nâng cao sức đề kháng cho cá: Vitamin C, củ tỏi...

- Cá nuôi lồng bè thường hay mắc một số bệnh: Bệnh đốm đỏ, bệnh do ký sinh trùng: Trùng mỏ neo, trùng quả dưa, trùng bánh xe, rận cá...nên cần có các biện pháp phòng và trị bệnh cho cá và phải tiến hành đồng bộ với việc vệ sinh lồng lưới, đáy lồng lưới và cải thiện môi trường thường xuyên và nâng cao sức đề kháng của vật nuôi thì mới mang lại hiệu quả cao.

6. Thu hoạch

- Cuối chu kỳ nuôi cá đạt kích cỡ thương phẩm có thể thu hoạch. Có thể thu hoạch khi môi trường biến động, mực nước hồ xuống thấp, chất lượng nước giảm, hoặc thu khi giá bán cao.

- Trước khi thu ngừng cho ăn 1-2 ngày.

- Lồng nhỏ dùng vợt bắt cá.

- Lồng lớn dùng lưới kéo.

- Thu tỉa hoặc thu toàn bộ tùy theo sản lượng và nhu cầu tiêu thụ.

K.s.Nguyễn Liễu
Trung tâm Khuyến nông

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT TRỒNG THÂM CANH LẠC CÓ CHE PHỦ NILON



Mô hình trồng thử nghiệm một số giống lạc mới áp dụng kỹ thuật che phủ nilon tại xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn

1. Chọn đất:

Lạc có thể trồng trên đất đồi, đất ruộng, đất bãi ven sông có thành phần cơ giới vừa và nhẹ thích hợp nhất là đất cát pha, thịt nhẹ dễ thoát nước.

2. Chọn giống:

Trước khi gieo phải thử lại sức nảy mầm của hạt, giống đạt tiêu chuẩn tốt phải đạt sức nảy mầm trên 85%.

Chọn hạt tốt, mẩy, đồng đều không bị nấm bệnh hoặc mốc đem gieo.

3. Thời vụ gieo trồng

- Vụ Xuân 15/01 - 30/3;

- Vụ Thu 30/6 - 15/7;

- Vụ Thu - Đông 25/8 - 10/9.

4. Công tác chuẩn bị

4.1. Chuẩn bị nilon

Hiện nay sử dụng loại nilon trong suốt để phủ cho lạc. Tiêu chuẩn của tấm nilon: độ mỏng 0,007 mm, độ truyền sáng > 70%, độ

đàn hồi > 100 % là phù hợp nhất cho lạc đâm tia và hiệu quả sử dụng cao nhất. Ống nilon có đường kính là 0,3m hay 0,6 m, khổ đúp 1,2 m hoặc 1,4 m có chiều dài 100-110 m/kg. Lượng nilon là 95-100 kg/ha (3,4-3,6 kg/sào).

4.2. Chuẩn bị đất và lên luống

- Chọn đất có thành phần cơ giới vừa và nhẹ dễ thoát nước.

- Cày sâu, bừa nhỏ tơi xốp, lên luống, sạch cỏ dại trước khi rạch hàng.

- Chiều dài luống 10-15 m tùy theo thửa ruộng, không lên dài quá.

- Chiều rộng mặt luống là 1,0 m (với nilon khổ đúp, đường kính ống là 0,6 m) hoặc 1,2 m với nilon khổ đúp, đường kính ống là 0,7 m.

- Chiều cao luống 18-20 cm, khoảng cách giữa 2 luống là 0,25-0,3 m.

4.3. Chuẩn bị giống trước gieo

- Trước khi gieo phải thử lại sức nảy mầm của hạt, giống đạt tiêu chuẩn tốt phải đạt sức nảy mầm trên 85 %.

- Kiểm tra lại tỷ lệ nảy mầm trước khi gieo bằng 2 cách: gieo thử trong cát ẩm hoặc tách nhân hạt để quan sát phôi và 2 lá mầm của giống. Nếu thấy phôi còn màu trắng hồng, lá mầm không có biểu hiện xỉn mốc là hạt còn tốt.

- Nên ngâm hạt giống vào nước có nhiệt độ 30-35°C trước khi trồng trong thời gian 15-20 phút cho lạc ngấm đều nước, sau đó cho hạt giống ra rổ để thoát hết nước, rồi tiến hành xử lý hạt với thuốc trừ nấm: Manage 5 WP hay Bunfer 250 EC hay Topsin M-70 WP. Chú ý không ngâm hạt giống quá lâu trong nước, lạc dễ bị mất sức nảy mầm và khi gieo đất phải đủ ẩm.

4.4. Chuẩn bị phân bón

- Lượng bón cho 01 ha: 1,2 tấn Phân hữu cơ vi sinh (8 tấn PC) + 120 kg Đạm Urê + 600 kg Lân supe + 150 kg Kali clorua + 500 kg Vôi bột.

5. Các bước tiến hành

5.1. Trồng lạc xuân:

Bước 1: Sau khi lên luống, rạch hàng sâu 8 - 10 cm, dọc theo chiều dài luống.

Bước 2: Bón lót toàn bộ lượng vôi, phân chuồng, đạm, kali, lân vào hàng đã rạch sẵn, sau đó lấp phân để lại độ sâu 4 - 5 cm.

Bước 3: Sau khi lấp phân tiến hành gieo hạt (nếu đất khô thì phải tưới đủ ẩm mới gieo). Gieo hạt xong, chú ý phủ hạt kín và san phẳng mặt luống.

Bước 4: Dùng thuốc diệt cỏ Ronsta 50% hay Achetochlor (0,75 - 1,0 kg/ha) phun đều mặt luống.

Bước 5: Dùng cuốc gạt nhẹ đất ở 2 bên mép luống đã lên sẵn về phía rãnh rồi phủ nilon, căng thẳng nilon trên mặt luống, sau đó dùng cuốc vét đất ở rãnh áp nhẹ vào hai bên mép luống để cố định nilon đồng thời làm sạch gọn đất ở rãnh.

Bước 6: Khi lạc nhú lên khỏi mặt đất, dùng tay chọc lỗ cho mầm lạc ra ngoài nilon (hoặc dùng ống chụp đục lỗ để mầm lạc mọc ra ngoài). Sau đó dùng tay bới nhẹ đất xung quanh gốc để cho lá mầm lộ ra tạo điều kiện thuận lợi cho cành cấp 1 phát triển sớm, cành mập.

5.2. Trồng lạc Thu - Đông

Bước 1: Sau khi làm đất tơi xốp, lên luống, rạch 3 - 4 hàng, sâu 8 - 10 cm dọc theo chiều dài luống.

Bước 2: Bón lót toàn bộ lượng vôi, đạm, kali, lân trước và phân chuồng vào rạch có sẵn, sau đó lấp kín phân và san phẳng mặt luống.

Bước 3: Dùng thuốc diệt cỏ Ronsta 50 % hay Achetochlor (0,75 - 1,0 kg/ha) phun đều mặt luống (có hướng dẫn cụ thể ở vỏ chai).

Bước 4: Dùng cuốc gạt nhẹ đất ở 2 bên mép luống về phía rãnh rồi phủ nilon, căng thẳng nilon trên mặt luống, sau đó dùng cuốc vét đất ở rãnh áp nhẹ vào hai bên mép luống để cố định nilon đồng thời làm sạch gọn đất ở rãnh.

Bước 5: Sau khi phủ nilon xong, mặt luống được chia thành 4 hàng dọc theo chiều dài luống và tiến hành đục lỗ nilon (bằng ống đục lỗ) khoảng cách theo kích thước hốc cách hốc 20 cm. Sau đó gieo hạt (gieo 2 hạt/hốc), đảm bảo mật độ 40 cây/m². Hạt được gieo ở độ sâu 2,5 - 3,0 cm và phủ kín đất. Không nên vùi hạt quá sâu vì vào đầu vụ này thường gặp mưa to, đất ướt làm thối hạt hay cây yếu.

Bước 6: Vụ Thu Đông phủ nilon trước khi gieo hạt nên khi lạc bắt đầu mọc phải chú ý quan sát để phòng khi gieo, hạt bị lấp dưới nilon, lúc đó dùng tay gầy nhẹ cho mầm lạc ra khỏi nilon.

6. Chăm sóc lạc

- Trồng lạc theo kỹ thuật che phủ nilon không cần xới xáo, làm cỏ nhưng cũng chú ý vét cỏ rãnh (nếu có).

- Tưới nước vào các thời kỳ đâm tia - hình thành quả, quả trưởng thành - bắt đầu làm hạt và hạt trưởng thành - bắt đầu chín. Nếu chủ động nước thì có thể tưới bất kỳ giai đoạn nào khi cần, sao cho đảm bảo đủ độ ẩm yêu cầu của cây lạc, tưới rãnh ngập 2/3 luống để ngấm đều sau tháo cạn.

- Phun thuốc trừ sâu Sumidicin 0,2 % (nếu có) hoặc các thuốc khác.

- Phun thuốc bệnh Manage 5 WP hay Bunfer 250 EC hay Topsin M-70 WP ở nồng độ 0,1 - 0,3 %, phun 2 lần: lần 1 sau gieo 40 ngày, lần 2 cách lần 1 là 20 ngày.

7. Thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch

Thử độ chín, khi số quả già đạt 85 % tổng số quả trên cây thì thu hoạch. Nhổ lạc có thể vặt quả hay đập quả. Chọn quả già, quả bánh tẻ riêng phơi dưới nắng nhẹ đến khi vỏ lụa tróc ra là được. Để làm lạc giống nhất thiết phải phơi trên nong nia, cót, sân đất (không phơi trực tiếp trên nền gạch, xi măng). Sau khi phơi để nguội, cho vào bao, chum vại đậy kín để nơi khô mát.

K.s.Ngọc Phùng

Trung tâm Khuyến nông

GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ TRỒNG VÀ SẢN XUẤT DƯỢC LIỆU BẢO CHÂU ĐI ĐẦU TRONG CHẾ BIẾN DƯỢC LIỆU TẠI BẮC KẠN



Ông Hoàng Văn Luân - Giám đốc HTX trồng và sản xuất Dược liệu Bảo Châu.

Đối với sự tồn tại và phát triển của ngành Y nói chung và nền y dược cổ truyền nói riêng, không chỉ cần có những người thầy thuốc giỏi, mà còn cần có một nguồn dược liệu chất lượng và phong phú. Dược liệu là các nguyên liệu để làm thuốc có nguồn gốc tự nhiên từ thực vật, động vật, khoáng vật và đáp ứng các tiêu chuẩn làm thuốc. Theo nghiên cứu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), có đến 80% dân số toàn cầu sử dụng các nguồn thuốc từ tự nhiên là chủ yếu. Riêng với ngành Dược, trên 50% loại thuốc điều trị lâm sàng có nguồn gốc tự nhiên và 25% có nguồn gốc từ thực vật.

Nước ta nằm trong vùng khí hậu nóng ẩm, có 4 mùa rõ rệt là điều kiện cho nhiều loại cây thuốc phát triển. Từ xưa, ông cha ta đã sử dụng dược liệu để chữa bệnh, nền tảng của Y học Việt Nam là dựa trên y học cổ truyền. Vì vậy, dược liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong lĩnh vực y tế nước nhà. Hiểu được vai trò và điều kiện thiên nhiên ưu đãi tại địa phương, anh Hoàng Văn Luân - giám đốc Hợp tác xã (HTX) trồng và sản xuất Dược liệu Bảo Châu, Thôn Phiêng Ban, xã Lạng Sang, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (HTX Dược liệu Bảo Châu) đã lựa chọn hướng đi cho riêng mình là phát triển và chế biến cây

dược liệu đặc biệt là Cà gai leo, Giảo cổ lam và Kim ngân hoa. Đến nay diện tích trồng dược liệu của các thành viên và hộ dân liên kết đạt 12 ha.

Tốt nghiệp trung cấp ngành y học cổ truyền tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, với niềm đam mê với cây dược liệu đến nay anh Hoàng Văn Luân đã có 10 năm kinh nghiệm trồng và chế biến dược liệu.

Năm 2014 anh cùng các đoàn viên thanh niên trong xã quyết tâm phát triển dược liệu tại địa phương và thành lập nên Hợp tác xã (HTX) trồng và sản xuất Dược liệu Bảo Châu. Các thành viên được HTX tổ chức hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp giống dược liệu theo kế hoạch và thu mua 100% sản phẩm. Sản phẩm chính của HTX hiện nay được chế biến từ cây Cà gai leo, Giảo cổ lam, Kim ngân hoa. Doanh thu năm 2018 ước đạt 500 triệu, thu nhập của thành viên đạt 3 triệu/tháng.

Với cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc, anh đã xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, marketing, xây dựng thương hiệu cho các dòng sản phẩm của HTX dược liệu Bảo Châu. Hiện nay HTX đã đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị gồm nồi nấu cao bằng điện, máy nghiền bột, máy đóng trà túi lọc tự động... nhằm chế biến thành các sản phẩm như: Cao cà gai leo, cao kim ngân hoa, trà túi lọc cà gai leo, trà giảo cổ lam... Các sản phẩm này đã được cấp giấy chứng nhận ATTP và có bao bì, nhãn mác, truy suất nguồn gốc đầy đủ. Đồng thời tổ chức chăm sóc 3,5 ha cây cà gai leo hướng VietGap. Năm 2018 sản phẩm trà giảo cổ lam của HTX trồng và sản xuất Dược liệu Bảo Châu đạt chứng nhận 3 sao sản phẩm OCOP của tỉnh.

Đầu năm 2019 HTX Dược liệu Bảo Châu đã kết nạp thêm thành viên nâng tổng số thành viên lên 50 người và đầu tư mở rộng sản xuất thêm 5ha trồng Ba kích, Kim ngân hoa, Hà thủ ô, Sâm trâu... Đồng thời HTX đăng ký nâng cấp sản phẩm trà giảo cổ lam từ 3 sao lên 4 sao và tham gia chương trình đánh giá, xếp hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh cho sản phẩm cà gai leo của HTX.

Anh Luân cho biết: “Phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều thuận lợi như được sự quan tâm của các cấp chính quyền, thị trường tiêu thụ lớn, nguyên liệu dồi dào,... tuy nhiên trong quá trình tổ chức hoạt động HTX còn gặp nhiều khó khăn nhất định như: chưa ký kết với các tổ chức, doanh nghiệp để bao tiêu sản phẩm; thiếu vốn hoạt động và xây dựng nhà xưởng; công nghệ chế biến còn lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất”.

Xác định phát triển dược liệu là hướng phát triển đúng đắn nhằm tăng thu nhập cho các thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương, trong thời gian tới anh sẽ tiếp tục cùng thành viên HTX Dược liệu Bảo Châu chủ động điều chỉnh, củng cố nâng cao trình độ quản lý của Hội đồng quản trị đủ sức mạnh điều hành, lãnh đạo HTX theo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012; Chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của năm, trung hạn, dài hạn phù hợp với điều kiện của HTX, điều kiện địa phương và nhu cầu của thị trường; Chủ động học tập và áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và thay đổi phương thức, tập quán sản xuất, kinh doanh của HTX; Chủ động nghiên cứu, tiếp cận các chính sách hỗ trợ./.

Nguyễn Huế - Liên minh HTX tỉnh

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH SẢN XUẤT CHÈ THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP Ở XÃ BẰNG PHÚC

Chè VietGAP là sản phẩm chè an toàn, có quy trình sản xuất nghiêm ngặt từ khâu chăm sóc, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Việc phát triển các mô hình chè VietGAP đang được các nhà quản lý, người tiêu dùng và người trồng đặc biệt quan tâm. Để từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất chè nói chung và chè Shan tuyết nói riêng theo chuỗi giá trị hàng hóa thông qua việc tổ chức sản xuất nguyên liệu chè theo hướng VietGAP. Từ tháng 01 năm 2017, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc triển khai xây dựng mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP tại thôn Phiêng Phung, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn. Sau hơn một năm thực hiện mô hình này đã bước đầu đem lại hiệu quả cho người trồng chè.

Nằm trong vùng trọng điểm sản xuất chè của huyện Chợ Đồn hiện nay xã Bằng Phúc có hơn 503,2 ha chè Shan tuyết đang cho thu hoạch, năng suất bình quân đạt 12,52 tạ/ha, sản lượng hàng năm khoảng 630 tấn



Mô hình trồng chè Shan tuyết trồng theo hướng Vietgap hộ nhà bà Hà Thị Ương tại thôn Nà Bay, xã Bằng phúc, huyện Chợ Đồn

búp tươi. Cây chè nói chung và cây chè Shan tuyết nói riêng luôn gắn bó mật thiết với người dân xã Bằng Phúc. Được thiên nhiên ưu đãi về đất đai, khí hậu cây chè không chỉ là nguồn thu nhập chính của nhiều hộ dân của địa phương. Cùng với các sản phẩm khác chè Shan tuyết Bằng Phúc đã được người tiêu dùng biết đến là một trong những sản phẩm mang đậm nét đặc trưng của sản xuất nông nghiệp vùng cao. Tuy nhiên, để vươn tới sản phẩm chè có chất lượng tốt hơn, an toàn đáp ứng nhu cầu của

thị trường. Từ tháng 01 năm 2017, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc triển khai xây dựng mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP tại thôn Phiêng Phung, xã Bằng Phúc với diện tích 10 ha với 20 hộ dân tham gia. Sau khi được đầu tư chăm sóc, bón phân theo quy trình VietGAP cây sinh trưởng phát triển tốt. Một số chỉ tiêu theo dõi 2 tác nhân gây hại chính cây chè là tỷ lệ bọ xít muỗi đã giảm 90%, hiện ở mức không hoặc ít gây hại chè, rầy xanh dưới

ngưỡng cho phép các loại sâu bệnh khác không xuất hiện. Mật độ búp đạt 150 - 200 búp/m² tăng gấp 2 lần, năng suất tăng 30 - 50% so với sản xuất truyền thống. Kết quả phân tích đánh giá một số thành phần sinh hóa sản phẩm chè búp khô đã được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận vùng sản xuất chè đảm bảo theo tiêu chuẩn VietGAP. Sau khi được công nhận tiêu chuẩn VietGAP giá bán được tăng thêm từ 50 đến 100.000 đồng/kg chè khô.

Tiến sỹ Lưu Ngọc Quyến - Viện phó Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc đánh giá: Sản xuất chè tại xã Bằng Phúc cơ bản đã áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và đã cho kết quả tương đối tốt. Tuy nhiên vẫn còn một vài hạn chế trong số đó quan trọng nhất là sản phẩm chè chưa được chứng nhận chất lượng. Như vậy có thể nói: chúng ta đã làm mất đi giá trị của chính chúng ta (chúng ta đã làm mất đi giá trị của chính cây chè Shan tuyết Bằng Phúc). Sản phẩm đạt chất lượng tốt cần phải tạo ra tên tuổi, khẳng định thương hiệu mới có chỗ đứng trên thị trường, do vậy sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP là hướng đi tất yếu.

Ông Đàm Hữu Quân

nhóm trưởng mô hình sản xuất chè VietGAP cho biết: Khó khăn lớn nhất khi triển khai mô hình là các hộ tham gia đang sản xuất chè theo phương thức truyền thống, công nghệ chế biến lạc hậu, khu vực chế biến bừa bãi, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất và chế biến chè chưa đáp ứng được yêu cầu theo kỹ thuật mới. Các loại trang bị quần áo bảo hộ lao động, dụng cụ lao động và hóa chất chưa có nơi bảo quản riêng. Đặc biệt, bà con chưa có thói quen ghi chép sổ nhật ký nông hộ. Tuy nhiên, bằng sự nhiệt tình, ham học hỏi, sau khi được cán bộ Ban Quản lý chè huyện Đại Từ tập huấn cách trồng, chăm sóc, chế biến chè an toàn theo quy trình VietGAP và ghi chép sổ nhật ký nông hộ, bà con đã dần thích nghi và mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap là hướng đi tất yếu trong nông nghiệp hiện nay. Vì đây là quy trình sản xuất nghiêm ngặt từ khâu chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hái, bảo quản, chế biến để đưa ra thị trường các sản phẩm an toàn đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Việc áp dụng các kiến thức trong sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGap nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói

chung đã dần giúp người dân thay đổi những hình thức canh tác lạc hậu, biết áp dụng những tiến bộ trong sản xuất, biết ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các môi nguy cơ ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm chè, môi trường và sức khỏe.

Có thể nói việc sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGap đã góp phần thay đổi rõ rệt nhận thức của người trồng chè tại xã Bằng Phúc, mang lại những hiệu quả tích cực, sản lượng, chất lượng chè được nâng lên đáng kể. Cùng với đó thu nhập của người dân cũng được cải thiện. Tiếp tục phát huy tiềm năng thế mạnh của cây chè, trong thời gian tới, huyện Chợ Đồn nói chung, xã Bằng Phúc nói riêng cần tiếp tục tập trung sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGap tạo ra vùng sản xuất chè an toàn gắn với việc hỗ trợ, nâng cao năng lực thị trường cho người sản xuất, nâng cao vai trò liên kết các doanh nghiệp, các tổ hợp tác xã với nông dân trong sản xuất nguyên liệu, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chè Shan tuyết Bằng Phúc góp phần đưa hương vị đặc trưng của chè Bằng Phúc đến với đông đảo người tiêu dùng trong và ngoài nước./.

**Nguyễn Hùng -
Sở Khoa học & Công nghệ**

CHỈ ĐẠO CƠ CẤU GIỐNG VỤ MÙA NĂM 2019

Thực hiện Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, để hoàn thành nhiệm vụ được giao về sản xuất nông nghiệp, ngày 13 tháng 5 năm 2019 Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Văn bản số 770/SNN-TT&BVTV về việc chỉ đạo sản xuất, cơ cấu giống vụ Mùa năm 2019.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp thực hiện tốt một số nội dung sau:

Về sản xuất vụ Mùa năm 2019:

- Về thời vụ gieo trồng cần tuân thủ đúng khung thời vụ, cụ thể:

+ Cây lúa: Đối với lúa mùa sớm tập trung gieo mạ trung tuần tháng 5, kết thúc cấy đầu tháng 6 để thu hoạch trước 20/9 kịp gieo trồng ngô đông.

Đối với lúa mùa chính vụ, thời vụ gieo cấy càng sớm càng tốt, thu hoạch lúa xuân đến đâu làm đất ngay đến đó. Hướng dẫn, chỉ đạo nông dân gieo mạ trong tháng 6, kết thúc cấy tháng 7/2019.

+ Cây ngô: Ngô hè thu trồng trên đất ruộng và soi bãi hoàn thành xong trước 10/6; đối với ngô đông trồng xong trước 20/7; cây ngô đông trồng xong trước 20/9.

+ Cây chất bột: Hướng dẫn nông dân tiếp tục chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh các loại cây trồng như dong riềng, sắn, khoai môn để đạt năng suất cao nhất.

+ Cây công nghiệp ngắn ngày: Đậu tương hè kết thúc trồng trong tháng 7; Lạc Thu Đông kết thúc trồng trong tháng 9.

- Về cơ cấu giống gieo trồng vụ Mùa 2019: Bố trí cơ cấu giống hợp lý cho từng vùng sản xuất, nên sử dụng các giống có năng suất, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp với khả năng đầu tư thâm canh của địa phương, cụ thể như sau:

+ Cây lúa: Những loại giống cùng thời gian sinh trưởng và đặc điểm sinh học giống nhau cần bố trí tập trung theo vùng để thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch.

Trà lúa mùa trên chân đất trồng cây vụ Đông sử dụng các giống lúa có thời gian sinh trưởng dưới 105 ngày như giống lúa PC6, Khang dân đột biến, Khang dân 18 để đảm bảo thu hoạch xong trước ngày 20/9.

Trên diện tích đất lúa không trồng cây vụ Đông nên sử dụng các giống lúa như giống Bao thai, Hương thơm số 1, Nếp 97 và Khẩu nua lếch; đối với lúa lai gieo cấy các loại giống Tạp giao I, Nhị ưu 63, Nhị ưu 838.

+ Cây ngô: Sử dụng các giống ngô có khả năng chịu hạn tốt như: Biosed9698, NK4300, CP3Q, CP511, AG59, HN88.

+ Cây công nghiệp ngắn ngày: Cây đỗ tương gieo trồng các giống DT84, DT90, DT96, VX9-3, DT22 và DT51; cây lạc gieo trồng các giống L14, L12.

+ Cây rau, đậu các loại: Phát triển các loại rau, đậu phục vụ nhu cầu tiêu dùng đời sống hàng ngày như cây dưa chuột, bí xanh, đậu xanh, đậu cô ve, rau đay, rau muống, mùng tơi... và các loại rau vụ Hè thu./.

Nguyễn Hồng

Chi cục Trồng trọt & BVTV

TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2019

Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh Bắc Kạn năm 2019 đạt 1.367 ha nuôi trồng thủy sản, sản lượng 2.308 tấn, ngày 07 tháng 6 năm 2019, Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bắc Kạn ban hành công văn số 951/SNN-KHTC về việc tăng cường chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản năm 2019, hướng dẫn phòng, chống khắc phục do mưa, lũ. Qua đó đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục triển khai các nội dung tại văn bản số 294/SNN-KHTC ngày 27/02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn, đặc biệt quan tâm triển khai nuôi cá kết hợp với trồng lúa trong vụ mùa để nâng cao hiệu quả kinh tế, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đầu tư thâm canh tăng năng suất, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu sản lượng được giao.

2. Hướng dẫn phòng chống, khắc phục cho thủy sản nuôi trước và sau khi lũ xảy ra.

Trước khi có mưa lũ xảy ra: Đối với ao nuôi: Thu hoạch thủy sản nuôi khi đạt kích cỡ thương phẩm; thường xuyên kiểm tra và gia cố bờ ao chắc chắn, có khả năng chống chịu khi mưa lũ lớn; phát quang cành cây xung quanh bờ, tránh gió bão làm cành, lá rơi vào ao gây ô nhiễm; đặt ống xả tràn để thoát nước khi mưa lũ kéo dài và khi mực nước trong ao quá lớn; chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, cơ sở vật chất, hóa chất như lưới, đăng chắn, cọc tre, cước xềng, vôi,... để chủ động gia cố sửa chữa hệ thống bờ, cống khi có tình huống xấu xảy ra. Đặt lưới xung quanh bờ (độ cao 40-50cm, ghim sâu 20-30 cm dưới đất) nhằm giảm thất thoát gây thiệt hại sản xuất khi mưa lũ kéo dài; nạo vét, khơi thông cống rãnh, kênh mương đảm bảo thoát nước tốt khi xảy ra mưa lũ. Sơ tán người lao động về nơi trú ẩn an toàn.

Đối với lồng nuôi: Thu hoạch thủy sản nuôi khi đạt kích cỡ thương phẩm; kiểm tra gia cố lại hệ thống dây neo, phao lồng và di chuyển vào

khu vực kín gió, có dòng chảy nhẹ để tránh gió bão gây hư hỏng lồng, trường hợp không di chuyển được lồng, cần hạ lồng xuống thấp để giảm bớt sóng, gió; che chắn mặt lồng bằng lưới có kích thước mắt lưới phù hợp sao cho thủy sản nuôi không bị lọt ra ngoài. Thường xuyên vệ sinh lồng sạch sẽ, thông thoáng để thoát nước và treo túi vôi 3-5kg trước dòng chảy để phòng bệnh cho thủy sản. Sơ tán người lao động về nơi trú ẩn an toàn.

Biện pháp khắc phục hậu quả sau mưa lũ:

- Đối với ao nuôi: Xả bớt nước trên tầng mặt để giảm bớt lượng nước mưa trong ao. Khi mưa lớn kéo dài ao nuôi bị đục, pH bị giảm đột ngột cần rải vôi xung quanh bờ ao (khoảng 10kg/100m²), kết hợp với bón vôi cho ao để ổn định pH và giảm độ đục của nước ao, bổ sung VitaminC, chế phẩm sinh học để tăng sức đề kháng của thủy sản nuôi. Tăng cường chăm sóc, quản lý ao nuôi, kiểm tra thường xuyên các yếu tố môi trường, sức khỏe thủy sản nuôi để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Đối với nuôi lồng: Kiểm tra, vệ sinh hệ thống dây neo, phao, lưới để đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất trở lại bình thường; thường xuyên theo dõi các yếu tố môi trường và sức khỏe của thủy sản nuôi để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Hướng dẫn người nuôi thu gom, xử lý môi trường đúng theo quy định; tuyệt đối không vớt thủy sản chết, rác thải ra môi trường gây ô nhiễm, phát sinh mầm bệnh. Thực hiện vệ sinh, tẩy trùng, diệt khuẩn, tu sửa cơ sở hạ tầng để chuẩn bị cho vụ nuôi mới.

- Thống kê chính xác diện tích, mức độ thiệt hại để có cơ sở đề xuất hỗ trợ cho người dân theo quy định tại Nghị định số 02/NĐ-CP, ngày 09/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh./.

Quyên Thu

TÌNH HÌNH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TẠI BẮC KẠN

Theo báo cáo của cơ quan thú y, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đang có chiều hướng lây lan nhanh xảy ra ở nhiều địa phương, đến ngày 14/6/2019 bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 1.441 hộ, 310 thôn của 86 xã, phường, thị trấn thuộc 8 huyện, thành phố, có 9.283 con bị mắc bệnh, đã tiêu hủy là 10.633 con lợn các loại với trọng lượng tiêu hủy 498.451 kg. Hiện nay, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vẫn đang diễn biến rất phức tạp ở nhiều địa phương và chưa có dấu hiệu dừng lại, bệnh xảy ra trên diện rộng và khả năng lây lan nhanh, khó kiểm soát. Cảnh báo trong thời gian tới nguy cơ bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục lây lan, diễn biến rất phức tạp, bệnh có khả năng lây lan sang tất cả các địa phương chưa có dịch và có khả năng xâm nhiễm vào các cơ sở chăn nuôi tập trung, quy mô và số lượng lợn lớn, gây hậu quả khó lường, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển chăn nuôi lợn, gây tổn thất về kinh tế, xã hội, ảnh hưởng lớn đến môi trường.

Trước diễn biến phức tạp của bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh và nguy cơ dịch

tiếp tục có chiều hướng lây lan nhanh, phạm vi rộng, làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến phát triển chăn nuôi lợn, Tỉnh ủy tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 16/5/2019; văn bản số 2421/UBND-KTCT ngày 10/5/2019 và Thông báo số 107/TB-UBND ngày 16/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về thông báo kết luận của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đỗ Thị Minh Hoa tại cuộc họp ngày 13/5/2019; văn bản số 2750/UBND-KTCT ngày 23/5/2019 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; văn bản số 2890/UBND-KTCT, ngày 30/5/2019 tập trung thực hiện một số biện pháp cấp bách phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi... Trong đó ưu tiên chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống dịch tại các địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp chống dịch, bảo đảm không để dịch lây lan ra diện rộng./.

Quang Hải

Chi cục Chăn nuôi & Thú y

KẾT QUẢ MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG LẠC MỚI TẠI XÃ NAM CƯỜNG, HUYỆN CHỢ ĐỒN

Thực hiện kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp của HĐND tỉnh và kỳ họp của Quốc hội, ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh về việc thực hiện các kiến nghị của cử tri. Thông qua khảo sát thực tế tại các địa phương và khảo sát nhu cầu của người dân.

Nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, ngô kém hiệu quả chuyển sang canh tác cây trồng khác đem lại giá trị kinh tế cao hơn đồng thời lựa chọn và tìm ra được các loại cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh và mang lại giá trị kinh tế cho người dân.

Vụ Xuân năm 2019, Trung tâm Khuyến nông

xây dựng “mô hình thử nghiệm một số giống lạc mới” tại thôn Bản Quá, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Quy mô thực hiện 1ha với 15 hộ tham gia, các giống lạc trồng thử nghiệm gồm: giống lạc L14, L27, L29, giống đối chứng lạc đỏ địa phương.

Sau 01 vụ trồng thử nghiệm năng suất giống lạc L14 đạt 22,5 tạ/ha, giống L27 đạt 26 tạ/ha, giống L29 đạt 30 tạ/ha đều cao hơn giống đối chứng (lạc đỏ địa phương 20 tạ/ha). Kết quả đánh giá chung các giống lạc mới đều cho năng suất cao hơn giống đối chứng, qua hội thảo đánh giá và ý kiến nhận xét của các hộ tham

gia mô hình thì trong 3 giống thử nghiệm lựa chọn được 2 giống L27 và L29 có nhiều ưu điểm về sinh trưởng, khả năng chống chịu sâu bệnh hại, năng suất cao hơn giống lạc L14. Do đó đề nghị tiếp tục trồng thử nghiệm 2 giống lạc L27 và L29 ở vụ mùa năm 2019 để có đánh giá đầy

đủ và chính xác hơn. Theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng, sâu bệnh hại, năng suất để có căn cứ lựa chọn trong vụ Xuân năm 2020, từ đó lựa chọn được giống phù hợp để đề xuất vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh.

K.s.Ngọc Phùng

TRIỂN KHAI THÁNG HÀNH ĐỘNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2019



Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản kiểm tra an toàn thực phẩm tại Cửa hàng bán thực phẩm sạch của Hợp tác xã Dịch vụ và phát triển nông nghiệp Pác Nặm

Thực hiện Kế hoạch số 210/KH-BCĐTƯATTP ngày 04/3/2019 của Ban chỉ đạo Liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019; Kế hoạch số 164/KH-BCĐ ngày 28/3/2019 của Ban chỉ đạo Liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Kạn triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” tỉnh Bắc Kạn năm 2019; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt danh mục kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Từ ngày 16/4 đến ngày 26/4/2019 đoàn kiểm tra liên ngành của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành làm việc với các phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, phòng kinh tế của 8 huyện, thành phố về công tác

triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” đồng thời kiểm tra các cơ sở tại các chợ đầu mối của một số huyện, thành phố về điều kiện sản xuất kinh doanh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và các hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 04/01/2019.

Kết quả thực hiện “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” Chi cục Quản lý chất lượng Nông, lâm và thủy sản đã tổ chức treo 05 băng zôn tuyên truyền tại một số huyện trên địa bàn tỉnh; kiểm tra 31 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản, đồng thời tiến hành lấy mẫu kiểm tra test nhanh với 51 mẫu với kết quả 35 mẫu âm tính thuốc bảo vệ thực vật, hàn the... chiếm 68,6%; 02 mẫu chiếm 5,2% dương tính với thuốc bảo vệ thực vật; 14 mẫu không xác định chiếm 27,45%. Qua kiểm tra đoàn không tiến hành xử lý vi phạm hành chính chỉ lập biên bản yêu cầu các cơ sở thực hiện khắc phục lỗi và cam kết chấp hành tốt các quy định của nhà nước trong việc sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản. Hầu hết các cơ sở cơ bản đều chấp hành tương đối tốt điều kiện về sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tuy nhiên căn cứ theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT các cơ sở giết mổ không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải thực hiện việc ký cam kết, tuy nhiên các cơ sở chưa thực hiện. Các cơ sở kinh doanh có nguồn gốc thực vật cơ bản nhỏ lẻ sản phẩm đa dạng, không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản nhắc nhở các cơ sở và đề nghị khắc phục lỗi.

Nông Thâm
Chi cục QLCLNLTS

TÁC HẠI KHI SỬ DỤNG TÔM CÓ BƠM TẠP CHẤT

Tôm là sản phẩm ngày càng được người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn làm thực phẩm vì những lợi ích dinh dưỡng mang lại. Tuy nhiên nhằm thu lợi bất chính một số gian thương đã tiêm tạp chất vào tôm gây nguy hại đến sức khỏe người tiêu dùng. Để mua được tôm không bơm tạp chất, người mua cần chú ý một số đặc điểm sau:

- Tác hại khi tôm bị bơm tạp chất: Khi tôm, cá có chứa tạp chất lạ, nhất là dạng lỏng sẽ trở thành môi trường thuận lợi cho nhiều loại vi khuẩn nguy hiểm phát triển như: Vi khuẩn vibrio cholerae gây bệnh thổ tả, vi khuẩn salmonella gây bệnh thương hàn, ngộ độc, tiêu chảy, nhiễm trùng máu, vi khuẩn shigella gây bệnh kiết lỵ, vi khuẩn escheria coli gây tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa,... Ngoài ra, việc ngâm giữ tôm trong hàn the, ure... cũng làm tăng khả năng người tiêu dùng bị ngộ độc cấp tính. Ure tích tụ trong cơ thể có thể gây ngộ độc mãn tính, mất ngủ, suy nhược cơ thể, giảm trí nhớ, gây bệnh gan, thận,...

- Dung dịch để bơm tôm: Để tăng trọng lượng và có mẫu mã đẹp cho tôm dung dịch để bơm chủ yếu là bột agar (bột rong biển làm thạch) a dao, CMC (chất ổn định dùng để kiểm soát độ nhớt của thủy hải sản)... Các chất này thường được nấu chín hoặc hòa với nước thành dung dịch sền sệt. Sau đó dùng ống tiêm chích trực tiếp vào đầu, thân và đuôi tôm.

- Dấu hiệu của tôm bị bơm tạp chất:

Loại tôm được chọn để bơm tạp chất phần lớn là tôm sú. Khi chọn tôm, nếu thấy con tôm

cứng, thẳng đơ thì đó là tôm đã được bơm tạp chất. Bình thường mình tôm mềm, cong. Mang tôm bơm tạp chất cứng, phồng căng trong khi mang tôm thường mềm, phẳng. Mình tôm bơm tạp chất thường mập, căng bất thường, các đốt trên thân tôm gần như bị giãn ra, nhất là đốt nối giữa đầu và thân.

Tôm bơm khi mới chết thường bị phù đầu, gai vểnh, xòe đuôi, đầu và thân nhanh chóng rời nhau, khi nấu chảy nhiều nước, thịt tôm bị teo lại. Khi ăn thịt bở, vị nhạt hơn so với bình thường. Nếu là tôm bị bơm thạch, khi nấu chín, bóc vỏ tôm ra sẽ dễ dàng thấy lớp rau câu nằm giữa lớp thịt và vỏ tôm, nhất là ở phần đầu, dưới mang.

- Cách chọn tôm tươi ngon: Nên chọn tôm còn sống “nhảy tanh tách”, không rút chân càng, đây là cách an toàn nhất để chắc chắn rằng bạn đang mua tôm tươi sống. Khi chọn tôm đông lạnh hoặc đã hấp hãy cầm con tôm lên, cầm phần đầu và phần đuôi tôm để kéo thẳng tôm ra. Nếu các khớp nối giữa các đốt tôm khít thì là tôm mới, còn nếu các khớp này rộng ra tức là tôm đã bị để đông lạnh quá lâu.

Với tôm sú không chọn tôm đã chuyển sang màu hồng vì đó là tôm đã ương; tôm he, ngoài đặc điểm còn sống, bạn nên chọn con nào vỏ có màu hồng trắng, mắt xanh đen.

Về mặt cảm quan, khi mua nên chọn những con tôm có vỏ sáng bóng, tươi tắn. Thịt trong gắn chặt vào vỏ.

Hoàng Hiếu
Sở Nông nghiệp & PTNT

TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TẬP HUẤN, CHUYỂN GIAO KHOA HỌC KỸ THUẬT CHO NGƯỜI NÔNG DÂN

Nhằm tăng cường sự hiểu biết của người dân trong việc điều tra, phát hiện và phòng trừ dịch hại trên cây trồng, đồng thời hiểu và sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) một cách an toàn, hiệu quả.

Sáu tháng đầu năm 2019, Chi cục Trồng trọt và BVTV đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh tổ chức 36 lớp tập huấn hộ cho người nông dân cho trên 1.000 học viên tham gia, trong đó quản lý dịch hại tổng hợp trên cây lúa (14 lớp), ngô (02 lớp), dong riềng (02 lớp), cam quýt (04 lớp), gừng (04 lớp), quản lý dịch hại trên cây chè (01 lớp), kỹ thuật trồng và chăm sóc cây bí xanh (03 lớp) và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV (06 lớp).

Tham dự lớp tập huấn bà con được giảng viên của Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật truyền đạt các kiến thức kỹ thuật về quản lý dịch hại tổng hợp trên cây lúa, ngô, dong riềng, cam quýt, gừng, quản lý dịch hại trên cây chè, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây bí xanh và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV. Bằng phương pháp hướng dẫn thực tế tại đồng ruộng kết hợp với trao đổi lý thuyết tại hội trường.

Qua buổi tập huấn, người dân tham gia đã nắm được kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ dịch hại chính trên cây trồng, đồng thời biết cách sử dụng các loại thuốc BVTV trên cây trồng an toàn, hiệu quả.

Quang Vũ

Chi cục Trồng trọt & BVTV

KẾT QUẢ MÔ HÌNH SỬ DỤNG GIỐNG LÚA CHẤT LƯỢNG GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM, ỨNG DỤNG CANH TÁC LÚA CẢI TIẾN - SRI TẠI XÃ NÔNG THỊNH, HUYỆN CHỢ MỚI



Hội thảo tổng kết mô hình sử dụng giống lúa chất lượng cao, ứng dụng canh tác cải tiến SRI tại xã Nông Thịnh, huyện Chợ Mới

Nhằm đưa vào sử dụng các giống lúa chất lượng cao gắn với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật canh tác lúa cải tiến- SRI giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm lúa

gạo giảm chi phí đầu vào trong sản xuất nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

Vụ Xuân năm 2019, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chợ Mới phối hợp với UBND xã Nông Thịnh, tiến hành xây dựng mô hình sử dụng giống lúa chất lượng gắn với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng canh tác lúa cải tiến - SRI nhằm cải tiến dần các biện pháp canh tác lúa theo tập quán đã lạc hậu không còn phù hợp giúp giảm chi phí đầu vào trong sản xuất, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

Mô hình lúa chất lượng tại xã Nông Thịnh cấy giống lúa thuần Sơn Lâm 2 với 248 hộ tham gia; ứng dụng canh tác lúa cải tiến SRI; sử dụng phân bón lót Basico và phân thúc PLUSGAP để góp phần cải tạo đất. Những hộ nông dân tham gia mô hình được nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí mua giống, phân bón lót, phân bón thúc, hỗ trợ kinh phí BVTV 25.000 đồng/1.000 m².

Sau 5 tháng thực hiện mô hình cho thấy cây lúa Sơn Lâm 2 canh tác theo lối cải tiến SRI, sử dụng phân bón Gáp cho kết quả sinh trưởng, phát triển tốt, khả năng chống sâu bệnh khá, chống đổ tốt, cho năng suất cao hơn so với giống đối chứng Khang dân 18. Năng suất Mô hình lúa Sơn Lâm đạt từ 65-70 tạ/ ha cao hơn so với giống đối chứng 4-6 tạ/ha. Qua hạch toán kinh tế, Mô hình lúa Sơn Lâm 2, ứng dụng canh tác lúa cải tiến SRI, sử dụng phân bón Gáp sau khi trừ các khoản chi phí so sánh với giống đối chứng cao hơn từ 300.000- 500.000 đồng/1.000 m².

Mô hình lúa chất lượng vụ Xuân 2019 là một trong những hoạt động thực hiện các hoạt động quản lý và sử dụng đất trồng lúa năm 2019 theo

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP mà UBND huyện Chợ Mới triển khai. Qua mô hình đã đánh giá được giống lúa Sơn Lâm 2, phân bón Gáp khi canh tác theo kỹ thuật canh tác lúa cải tiến SRI hoàn toàn phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và tập quán canh tác của người dân địa phương. Qua đây từng bước cải thiện được lối canh tác lạc hậu của người nông dân, góp phần tìm ra những giống mới, kỹ thuật mới phù hợp với điều kiện của địa phương, từ đó nâng cao năng suất, sản lượng cây lúa, nâng cao giá trị kinh tế và tăng thu nhập cho người nông dân trên diện tích đã canh tác./.

Đào Thị Ngọc

Trung tâm DV Nông nghiệp huyện Chợ Mới

BẮC KẠN PHẤN ĐẦU XÂY DỰNG 07 XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 261/KH-UBND về việc thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Theo đó, Bắc Kạn phấn đấu đưa 07 xã về đích nông thôn mới trong năm 2019, bao gồm các xã như:

Xã Yên Thượng, huyện Chợ Đồn: Hiện nay đạt 11/19 tiêu chí, còn 8 tiêu chí chưa đạt, gồm: Trường học, cơ sở vật chất văn hóa, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư, thu nhập, tổ chức sản xuất, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

Xã Phương Linh, huyện Bạch Thông: Hiện nay đạt 14/19 tiêu chí, còn 5 tiêu chí chưa đạt, gồm: Cơ sở vật chất văn hóa, thông tin và truyền thông, thu nhập, tổ chức sản xuất, văn hóa.

Xã Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới: Hiện nay đạt 12/19 tiêu chí, còn 7 tiêu chí chưa đạt, gồm: Cơ sở vật chất văn hóa, tổ chức sản xuất, y tế, văn hóa, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, quốc phòng và an ninh.

Xã Địa Linh, huyện Ba Bể: Hiện nay đạt 11/19 tiêu chí, còn 8 tiêu chí chưa đạt, gồm: Trường học, cơ sở vật chất văn hóa, thông tin và truyền

thông, nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, môi trường và an toàn thực phẩm.

Xã Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm: Hiện nay đạt 10/19 tiêu chí, còn 9 tiêu chí chưa đạt, gồm: Giao thông, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, thông tin và truyền thông, thu nhập, hộ nghèo, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

Xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm: Hiện nay đạt 14/19 tiêu chí, còn 5 tiêu chí chưa đạt, gồm: Giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, thu nhập, hộ nghèo, môi trường và an toàn thực phẩm.

Xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn: Hiện nay đạt 16/19 tiêu chí, còn 3 tiêu chí chưa đạt, gồm: Giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa.

Để đảm bảo kế hoạch đề ra, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện rà soát, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi và có các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt của 07 xã phấn đấu xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; tập trung ưu tiên các nguồn lực và lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực khác thực hiện xây dựng nông

thôn mới trên cùng một địa bàn. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp với các huyện, thành phố hướng dẫn và tổ chức thực hiện các tiêu chí; đồng thời chủ động đánh giá và thẩm định các tiêu chí tại 7 xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. UBND các huyện, thành

phố tập trung huy động các nguồn lực và vận động nhân dân hưởng ứng tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định./.

Nông Cúc

CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM QUAN TRỌNG CẦN KHUYẾN KHÍCH ƯU TIÊN HỖ TRỢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT GẮN SẢN XUẤT VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

Nhằm khuyến khích việc liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, ngày 17/5/2019 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 777/QĐ-UBND về việc phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Theo đó, các sản phẩm quan trọng cần khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gồm có:

1. Sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản được các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sản xuất giống mang tính thương mại, nhân giống, lai tạo giống phục vụ cho phát triển sản xuất, liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Sản phẩm trồng trọt gồm: Gạo chất lượng cao, đặc sản; cây ăn trái (Cam, quýt, hồng, mơ, mận, chuối); rau củ quả, cây công nghiệp như: Rau quả các loại, dong diêng, khoai môn, khoai tây, gừng, nghệ, chè (được sản xuất theo quy trình chất lượng, đồng bộ, an toàn, công nghệ cao, VietGAP, GLOBALGAP, hữu cơ); Sản phẩm gỗ rừng trồng: Keo, mỡ, thông, quế, hồi, gỗ khác trong cơ cấu cây trồng của tỉnh; Sản phẩm từ các cây dược liệu.

3. Sản phẩm chăn nuôi, thủy sản gồm: Trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt, cá, ong được sản xuất theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Các ngành hàng quan trọng cần khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gồm có:

1. Ngành sản xuất các sản phẩm chăn nuôi thương phẩm: Theo đó phát triển chăn nuôi đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đảm bảo truy suất nguồn gốc, sản xuất theo hướng hàng hóa.

2. Ngành sản xuất các sản phẩm trồng trọt thương phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất các loại cây trồng có lợi thế của tỉnh, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đảm bảo truy suất nguồn gốc, sản xuất theo hướng hàng hóa.

3. Ngành sản xuất, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản đảm bảo sơ chế, chế biến các sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp có lợi thế, quan trọng của tỉnh và có khả năng làm tăng giá trị lên từ 1,5 lần so với ban đầu.

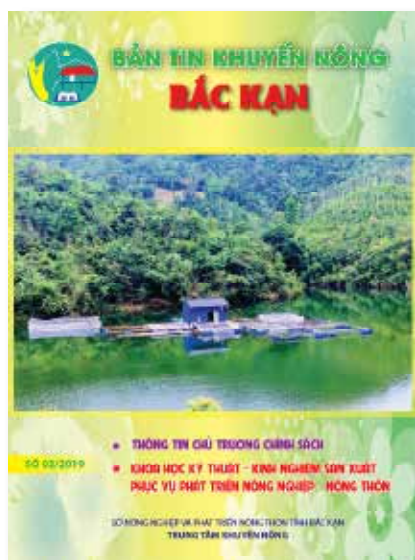
4. Ngành sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái đảm bảo theo quy hoạch và chương trình, dự án tăng trưởng bền vững hiệu quả, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao giá trị gia tăng, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Nông Cúc

Hoa Rôm

Rôm khô xưa vất ngoài đồng
Ngày nay thành nấm nở bông trắng “lông”
Nhờ có cán bộ khuyến nông
Hướng dẫn kỹ thuật ươm trồng cho ta
Cán bộ đi đến từng nhà
Cùng dân làm nấm trẻ già hăng say
Chu kỳ trên bốn mươi ngày
Hoa rôm nở rộ, trắng đầy giàn treo
Góp phần xóa đói giảm nghèo
Tăng thêm thu nhập là điều ước ao
Bữa ăn ngày tết vui sao
Mâm cơm thêm món nấm sào thơm ngon

ST: Phạm Duy Bình



MỤC LỤC

CHỦ TRƯỞNG - CHÍNH SÁCH

1. Hướng dẫn một số biện pháp khẩn cấp về quản lý giết mổ lợn, tiêu thụ sản phẩm từ lợn... Tr1
2. Chính sách khuyến khích nông nghiệp hữu cơ Tr4
3. Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu trên đất trồng lúa tỉnh Bắc Kạn năm 2019 Tr6

KHOA HỌC - KỸ THUẬT, TIN HOẠT ĐỘNG

4. Phương án quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính vụ mùa năm 2019 Tr8
5. Kỹ thuật nuôi cá Diêu hồng trong lồng bè Tr11
6. Hướng dẫn kỹ thuật trồng thâm canh lạc có che phủ nilon Tr13
7. Giám đốc Hợp tác xã trồng và sản xuất dược liệu Bảo Châu đi đầu trong chế biến dược liệu... Tr15
8. Hiệu quả từ mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VIETGAP ở xã Bằng Phúc Tr17
9. Trang tin hoạt động Tr19-26
10. Trang văn nghệ Tr27

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG BẮC KẠN

Phát hành năm 2019: 4 số; Mỗi quý 1 số vào các tháng 3, 6, 9, 12.

NỘI DUNG:

- Thông tin những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, định hướng phát triển nông lâm nghiệp.
- Phản ánh các hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Phản ánh các kỹ thuật mới đang được áp dụng trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi - thú y, lâm nghiệp, tín dụng... Phản ánh các gương sản xuất nông lâm nghiệp giỏi, các mô hình tốt, các kinh nghiệm sản xuất và công tác khuyến nông. Thông tin giá cả thị trường liên quan đến sản xuất nông lâm nghiệp.

THỂ LỆ GỬI BÀI:

- Bài viết phải rõ ràng, sạch sẽ, số liệu chính xác, ảnh, hình vẽ có chú thích cụ thể.
 - Ghi rõ họ tên, địa chỉ người gửi.
- Các bài, ảnh được đăng tác giả được hưởng nhuận bút theo quy định.
- Các bài viết, ảnh... không được đăng BBT không gửi trả lại bản thảo.

ĐỊA CHỈ GỬI VỀ:

Phòng Thông tin Tổng hợp - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Kạn, tổ 9 phường Phùng Chí Kiên - TP Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn.
Điện thoại: 0209.3875.652
Email: thuvtq.nn@backan.gov.v

Rất mong các độc giả, cán bộ, nông dân tham gia bài viết, gửi bài cho BBT
Cảm ơn sự hợp tác của quý độc giả./.

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG



Ông Nông Quang Nhất - Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT phát biểu tại Hội nghị đánh giá tình hình sản xuất và bàn giải pháp chế biến, tiêu thụ dong riếng, nghệ tỉnh Bắc Kạn năm 2019.



Lễ ký kết hợp đồng tiêu thụ giữa Cửa hàng Freshmart - tổ 7B Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn và hợp tác xã Nông nghiệp thanh niên Như Cố

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

*Trại giống Thủy sản
Bắc Kạn tích cực cung
cấp cá giống cho người
dân trên địa bàn
tỉnh Bắc Kạn*



*Hội thảo mô hình
thử nghiệm giống lúa
TBR279 tại thôn Bản Rạo,
phường Xuất Hóa,
thành phố Bắc Kạn*

KHUYẾN NÔNG **BẮC KẠN**

ĐỊA CHỈ: CHIỤ TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên,
TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

ĐT: 02093.875.652;
Thạc sỹ Đỗ Xuân Việt

Email: thuvtq.nn@backan.gov.vn;
CHIỤ TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:

Giấy phép xuất bản số: BIÊN TẬP & TRÌNH BÀY:

09/GP-XBBT, ngày 06 tháng 3 năm 2019
do Sở Thông tin & Truyền thông Bắc Kạn cấp.
K.s Mai Văn Ngọc
K.s Chu Thế Nam

Phát hành 4 số/năm.
K.s Bế Ngọc Công

Số lượng in: 100 cuốn/số. Kích thước 19x27cm.
Th.s Vũ Thị Quỳnh Thu